ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KÝ NHẬN BẰNG THẠC SĨ
NĂM 2022

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành ĐT	Số QĐ tốt nghiệp	Ngày Quyết định TN	Số hiệu bằng	Số vào sổ gốc cấp bằng
1	17045294	Đặng Ngọc Ánh	17/12/1995	Hà Nội	Kinh	Ngôn ngữ Đức	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039119	QHF.22.001
2	17045295	Trần Thị Thu Hà	02/12/1993	Phú Thọ	Kinh	Ngôn ngữ Đức	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039120	QHF.22.002
3	17045299	Đinh Diệu Thúy	26/08/1992	Hà Nội	Kinh	Ngôn ngữ Đức	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039121	QHF.22.003
4	17045278	Bùi Mai Ly	13/10/1995	Thái Nguyên	Kinh	Ngôn ngữ Pháp	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039122	QHF.22.004
5	17045218	Nguyễn Kiều Anh	06/9/1990	Bắc Ninh	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039123	QHF.22.005
6	17045229	Vũ Thị Thu Hằng	18/01/1993	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039124	QHF.22.006
7	17045233	Lộc Thị Thanh Hòa	15/04/1994	Lạng Sơn	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039125	QHF.22.007
8	17045237	Lê Thị Huyền	24/11/1983	Vĩnh Phúc	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039126	QHF.22.008
9	17045243	Nguyễn Mỹ Linh	10/05/1993	Vĩnh Phúc	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039127	QHF.22.009
10	17045244	Phan Thị Mỹ Linh	29/08/1995	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039128	QHF.22.010
11	17045249	Lê Hằng Nga	09/03/1988	Hà Nội	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039129	QHF.22.011
12	17045251	Đỗ Thị Ngân	21/04/1994	Hưng Yên	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039130	QHF.22.012
13	17045257	Đặng Thị Phượng	15/10/1994	Hà Tĩnh	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039131	QHF.22.013
14	17045262	Đỗ Phương Thảo	28/05/1985	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039132	QHF.22.014
15	17045265	Lê Thị Thu	12/10/1995	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039133	QHF.22.015

16	17045268	Nguyễn Thị Trang	17/03/1994	Thanh Hoá	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039134	QHF.22.016
17	17045271	Nguyễn Thị Vân	06/2/1984	Quảng Ninh	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039135	QHF.22.017
18	17045272	Phạm Lê Vân	07/1/1995	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039136	QHF.22.018
19	17045273	Vũ Thị Vân	28/12/1984	Ninh Bình	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039137	QHF.22.019
20	17045201	Hoàng Hải Chi	13/11/1994	Hà Nội	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039138	QHF.22.020
21	17045203	Vũ Thị Thu Hiền	05/10/1982	Nam Định	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039139	QHF.22.021
22	17045204	Hoàng Yến Hoa	01/2/1992	Phú Thọ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039140	QHF.22.022
23	17045208	Nguyễn Thị Thanh Hương	30/10/1981	Hải Phòng	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039141	QHF.22.023
24	17045214	Dương Thị Quỳnh Oanh	05/11/1986	Quảng Ninh	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039142	QHF.22.024
25	17045216	Mai Thị Thu Thảo	13/10/1995	Phú Thọ	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1014/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039143	QHF.22.025
26	18045012	Trịnh Ngọc Ánh	13/06/1996	Hà Nội	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1015/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039144	QHF.22.026
27	18045036	Nguyễn Thị Tuyết Minh	28/10/1984	Hà Nội	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1015/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039145	QHF.22.027
28	18045055	Vũ Quốc Tiến	05/03/1981	Bắc Ninh	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1015/QĐ-ĐHNN	13/5/ 2022	QM 039146	QHF.22.028
29	18045215	Chu Thị Hương Giang	21/05/1995	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1036/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039147	QHF.22.029
30	18045216	Đặng Thị Thu Hà	20/10/1989	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1036/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039148	QHF.22.030
31	18045220	Lê Thuỳ Lân	26/06/1995	Vĩnh Phúc	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1036/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039149	QHF.22.031
32	18045226	Nguyễn Phương Nga	04/01/1996	Bắc Ninh	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1036/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039150	QHF.22.032
33	18045239	Nguyễn Thị Tâm	16/09/1988	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1036/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039151	QHF.22.033
34	18045252	Bùi Thị Nương	13/11/1987	Thanh Hóa	Kinh	Sư phạm tiếng Trung Quốc	1036/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039152	QHF.22.034
35	18045262	Lê Mỹ Huyền	19/12/1995	Hải Phòng	Kinh	Ngôn ngữ Đức	1036/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039153	QHF.22.035

36	19045032	Trần Thị Bích Hảo	20/10/1980	Bắc Giang	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1037/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039154	QHF.22.036
37	19045034	Phạm Thu Hằng	05/09/1992	Hà Nội	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1037/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039155	QHF.22.037
38	19045038	Phạm Thị Hoài	31/10/1983	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1037/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039156	QHF.22.038
39	19045050	Nguyễn Thị Thanh Phương	21/09/1986	Phú Thọ	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	1037/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039157	QHF.22.039
40	19045013	Bùi Thị Bích Hằng	08/11/1994	Hải Phòng	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1037/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039158	QHF.22.040
41	19045020	Nguyễn Thị Phương Trang	14/12/1987	Hải Phòng	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1037/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039159	QHF.22.041
42	19045023	Vũ Thị Xuyến	30/07/1984	Hải Phòng	Kinh	Ngôn ngữ Anh	1037/QĐ-ĐHNN	17/5/ 2022	QM 039160	QHF.22.042
43	19045207	Nguyễn Phương Anh	15/04/1996	Hà Nội	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	818/QĐ-ĐHNN	08/4/2022	QM 039161	QHF.22.043
44	19045212	Phạm Thị Dung	20/04/1986	Nghệ An	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	818/QĐ-ĐHNN	08/4/2022	QM 039162	QHF.22.044
45	19045217	Đỗ Thị Việt Hà	24/07/1979	Phú Thọ	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	818/QĐ-ĐHNN	08/4/2022	QM 039163	QHF.22.045
46	19045218	Phạm Khánh Hằng	09/02/1996	Điện Biên	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	818/QĐ-ĐHNN	08/4/2022	QM 039164	QHF.22.046
47	19045220	Nguyễn Thị Thu Hoài	19/08/1987	Thái Bình	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	818/QĐ-ĐHNN	08/4/2022	QM 039165	QHF.22.047
48	19045237	Phạm Phúc Thành	11/4/1997	Nam Định	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	818/QĐ-ĐHNN	08/4/2022	QM 039166	QHF.22.048
49	19045240	Bùi Việt Thu	01/9/1985	Hà Nội	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	818/QĐ-ĐHNN	08/4/2022	QM 039167	QHF.22.049
50	19045243	Phạm Thu Trang	15/09/1992	Hà Nội	Kinh	Sư phạm tiếng Anh	818/QĐ-ĐHNN	08/4/2022	QM 039168	QHF.22.050